

# ỨNG DỤNG CÔNG NGHỆ THÔNG TIN ĐỂ NÂNG CAO CHẤT LƯỢNG QUẢN LÝ DẠY HỌC *TIẾNG ANH* CHO SINH VIÊN TRƯỜNG ĐẠI HỌC GIAO THÔNG VẬN TẢI

TRẦN THỊ HỒNG THÚY\*

Ngày nhận bài: 11/06/2017; ngày sửa chữa: 12/06/2017; ngày duyệt đăng: 13/06/2017.

**Abstract:** Although changing the focus of training on teaching methods and assessments in the curriculum framework is necessary, the increase of teaching duration or class size reduction is facing difficulties. Therefore, application of information technology in the management of teaching English is regarded as an effective solution for self-study and comprehensive development of students. Recently, skills of English for non-professional students under the project of Vietnam's National Foreign Language Program 2020 have been taught based on application of information technology. In this article, author also proposes some softwares to support teaching with aim to improve quality of teaching English for students at university of transport.

**Keywords:** Information technology application, English teaching management, university of transport.

## 1. Sự cần thiết phải nâng cao chất lượng dạy học Tiếng Anh trong nhà trường

Trong thời kì hội nhập của đất nước, ngoại ngữ và tin học được coi là “chìa khóa” để con người tiếp bước vào tương lai; trong đó, tiếng Anh được phổ biến là ngôn ngữ chính của thế giới; là phương tiện hữu hiệu để giao tiếp, nghiên cứu, tiếp thu những nền khoa học kĩ thuật tiên bộ. Theo “*Đề án dạy và học ngoại ngữ trong hệ thống giáo dục quốc dân giai đoạn 2008-2020*” mục tiêu chung của dạy và học ngoại ngữ là: “*Đổi mới toàn diện việc dạy và học ngoại ngữ trong hệ thống giáo dục quốc dân, triển khai chương trình dạy và học ngoại ngữ mới ở các cấp học, trình độ đào tạo, nhằm đến năm 2015 đạt được một bước tiến rõ rệt về trình độ, năng lực sử dụng ngoại ngữ của nguồn nhân lực, nhất là đối với một số lĩnh vực ưu tiên; đến năm 2020 đa số thanh niên Việt Nam tốt nghiệp trung cấp, cao đẳng và đại học có đủ năng lực ngoại ngữ sử dụng độc lập, tự tin trong giao tiếp, học tập, làm việc trong môi trường hội nhập, đa ngôn ngữ, đa văn hóa; biến ngoại ngữ trở thành thế mạnh của người dân Việt Nam, phục vụ sự nghiệp CNH, HĐH đất nước*” [1]. Vì vậy, việc dạy học Tiếng Anh trở nên thuận lợi trong sự quan tâm của xã hội, nhưng cũng đòi hỏi trình độ chuyên môn của đội ngũ giảng viên (GV) ngày càng phải nâng cao để đáp ứng được nhu cầu của người học. Để việc dạy học Tiếng Anh đạt hiệu quả cao thì công việc quản lí dạy học cũng luôn phải đổi mới và thực hiện nghiêm túc trong các nhà trường nói chung và Trường Đại học Giao thông vận tải nói riêng. Cụ thể:

- *Về phía người dạy:* Đội ngũ GV bắt buộc phải được đào tạo chuẩn hóa và cập nhật về kiến thức, kĩ năng chuyên môn. Mỗi GV phải biết được trình độ, năng lực của mình thế nào, đang đứng ở đâu, từ đó nỗ lực phấn

đấu nâng cao trình độ, cập nhật kiến thức mới, lấy chương trình đào tạo chuẩn quốc tế làm thước đo để học hỏi, xây dựng và nâng cao chất lượng bài giảng.

- *Về phía người học:* Số lượng sinh viên (SV) ngày càng tăng cao, nhưng chất lượng “đầu vào” và “đầu ra” vẫn là vấn đề cần phải xem xét. Phần lớn SV học tiếng Anh không được học bài bản, không liên tục, chưa tiếp cận được phương pháp học đúng đắn. Hiện nay, ở nhiều trường đại học khối kĩ thuật không chuyên ngữ, hiện tượng SV vẫn học tiếng Anh theo lối thụ động, không sáng tạo, học đối phó khá phổ biến. Phần lớn SV chưa có khái niệm về sự khác nhau giữa giảng dạy tiếng Anh ở bậc phổ thông và đại học, chưa quán triệt được việc GV chỉ là người hướng dẫn cách tiếp cận kiến thức, còn tự học và nghiên cứu là quan trọng nhất đối với bậc đại học.

- *Sự quan tâm và tổ chức quản lí của nhà trường đối với môn Tiếng Anh:* Nhà trường phải luôn quan tâm xây dựng, đầu tư các phương tiện hỗ trợ giảng dạy ngoại ngữ, những phần mềm học liệu tiên tiến và hướng dẫn cho GV và SV nhận thức được tầm quan trọng của tiếng Anh trong bối cảnh xã hội hiện nay. Sự quan tâm của nhà trường nên thể hiện ở một số mặt cụ thể sau: + Phân bố đủ số lượng GV để đảm bảo khối lượng giảng dạy, tạo điều kiện để các GV có cơ hội đi học nâng cao trình độ chuyên môn ở trong nước và quốc tế; + Nhà trường cung cấp kinh phí để mua các loại tài liệu, giáo trình, sách tham khảo... cũng như các trang thiết bị hiện đại, phần mềm học liệu phục vụ cho việc giảng dạy (các phòng học đa phương tiện, phòng đọc sách ngoại ngữ, phần mềm học tương tác...); + Hàng năm, tạo điều kiện và cử các

\* Trường Đại học Giao thông vận tải

GV thường xuyên được tham gia các khóa học nâng cao trình độ, đạt chuẩn hóa do Bộ GD-ĐT tổ chức, mời các chuyên gia nước ngoài đến giảng dạy và kiểm tra, đánh giá định kì...; + Nhà trường chỉ đạo và yêu cầu bộ môn *Tiếng Anh* tổ chức các hoạt động ngoại khóa, hội thảo, câu lạc bộ... cũng như có sự giao lưu, hợp tác với các trường đại học khác trong nước cũng như nước ngoài.

Hiện nay, GV ngoại ngữ nói chung, GV dạy *Tiếng Anh* nói riêng đều phải đối mặt với thực tế là: sĩ số lớp học quá đông, thời lượng chương trình hạn chế, phương pháp dạy học truyền thống và trang thiết bị phòng học chưa thực sự đáp ứng nhu cầu dạy học. Hơn thế, SV phần lớn không có động lực học tập, chủ yếu học để hoàn thành môn học, vì điểm số. Khi SV học không có động lực hoặc không cộng tác với GV thì sẽ làm giảm không khí lớp học, quá trình giảng dạy và tiếp thu bài học không hiệu quả.

Hầu hết các nhà quản lí và GV đều nhận thấy những vấn đề trên, và họ luôn cố gắng tìm cách để nâng cao chất lượng quản lí và giảng dạy của mình, tăng cường hoạt động, đổi mới phương pháp dạy học để khuyến khích SV tham gia. Ngoài việc thay đổi các phương pháp tiếp cận, GV đã ứng dụng công nghệ thông tin (CNTT) vào dạy học, như: sử dụng máy tính, máy chiếu, điện thoại di động hỗ trợ. Vì vậy, lợi ích của việc ứng dụng CNTT trong dạy học *Tiếng Anh* là cung cấp môi trường học "tương tác - trực tuyến" nhằm nâng cao chất lượng dạy học tiếng Anh của nhà trường.

## 2. Đôi nét về tình hình dạy học *Tiếng Anh* ở Trường Đại học Giao thông vận tải

Theo *Đề án ngoại ngữ quốc gia*, chương trình *Tiếng Anh tăng cường* phải được tương thích với các chuẩn trình độ ngoại ngữ quốc tế thông dụng, cụ thể là CEFR (The Common European Framework of Reference for Languages), *Khung năng lực ngoại ngữ (NLNN) 6* bậc dùng cho Việt Nam. *Khung NLNN quốc gia* đều quy định năng lực ngôn ngữ bao gồm 4 kĩ năng: *nghe, nói, đọc, viết*; do đó, *Tiếng Anh tăng cường* cần bảo đảm giảng dạy và đánh giá đầy đủ 4 kĩ năng trên. Theo *Đề án Ngoại ngữ quốc gia 2020*, đa số các trường đại học khối kĩ thuật không chuyên ngữ sẽ sử dụng đánh giá năng lực ngoại ngữ SV *bậc 3 theo khung NLNN* - Khung tham chiếu châu Âu. Ở Trường Đại học Giao thông vận tải áp dụng chương trình học *Tiếng Anh* như sau: - *Tiếng Anh A1* (tiếng Anh tăng cường); *Tiếng Anh A2* (tiếng Anh tăng cường); *Tiếng Anh B1* (học phần bắt buộc); *Tiếng Anh chuyên ngành* (học phần bắt buộc). Phần *Tiếng Anh cơ bản tăng cường* gồm 2 cấp độ: - *Chương trình*

*đào tạo Tiếng Anh bậc A1; - Chương trình đào tạo Tiếng Anh bậc A2.*

Các học phần tương ứng với bậc học A1, A2 là các học phần *Tiếng Anh tăng cường*. SV phải đạt được trình độ *Tiếng Anh bậc A1* mới được đăng kí học vào lớp học phần *Tiếng Anh bậc A2*. Sau khi đạt được trình độ bậc A2 mới được đăng kí học vào lớp học phần B1. SV học xong học phần B1 thì mới được học tiếp môn học *Tiếng Anh chuyên ngành*. Mỗi cấp độ hoàn thành của học phần môn *Tiếng Anh* (A1, A2, B1), SV được cấp giấy chứng nhận của nhà trường. Kết quả thi học phần *Tiếng Anh A1* và *A2* là điều kiện tiên quyết để SV đăng kí học cấp độ tiếp theo.

Chúng tôi đã tiến hành điều tra 350 SV khóa K55, K56, K57 (năm học 2015-2016) tại Trường Đại học Giao thông vận tải về việc ứng dụng CNTT trong dạy học *Tiếng Anh* và thu được kết quả như sau (xem *bảng 1*).

*Bảng 1. Kết quả khảo sát đối với SV về việc ứng dụng CNTT trong dạy học Tiếng Anh*

TT	Nội dung hoạt động	Mức độ thực hiện					
		Thường xuyên		Đôi khi		Không bao giờ	
		Số SV	%	Số SV	%	Số SV	%
1	Chuẩn bị bài soạn kĩ trước khi lên lớp	305	87,1	41	11,7	4	1,1
2	Cập nhật mở rộng bài giảng với những kiến thức mới	236	67,4	107	30,6	6	1,7
3	Sử dụng phương tiện dạy học tích cực để hỗ trợ trong dạy học ngoại ngữ	224	69,7	90	25,7	12	3,4
4	Thay đổi phương pháp dạy học khi SV không hứng thú học tập	173	49,4	153	43,7	23	6,6
5	Trao đổi với SV về phương pháp học tập	230	65,7	105	30,0	15	4,3
6	Yêu cầu và hướng dẫn SV chuẩn bị bài ở nhà	292	83,4	53	15,1	5	1,4
7	Kiểm tra việc tự học của SV	205	58,6	126	36,0	14	4,0
8	Lấy ý kiến phản hồi của SV sau khi kết thúc môn học, rút kinh nghiệm để điều chỉnh phương pháp dạy học	152	43,4	142	40,6	55	15,4
9	Chú ý tìm hiểu những khó khăn SV gặp phải trong quá trình học tập	154	44,0	159	45,4	36	10,3
10	Thực hiện kiểm tra, thi nghiệm túc, đánh giá đúng kết quả học tập của SV	310	88,6	31	8,9	5	1,4
11	Sử dụng các phương tiện hiện đại phục vụ dạy học ngoại ngữ	234	66,9	105	30,0	11	3,1
12	Sử dụng phương tiện đa dạng trong dạy học ngoại ngữ	162	46,3	157	44,9	29	8,3

Qua *bảng 1* cho thấy: việc đổi mới phương pháp dạy học, ứng dụng CNTT đã được nhà trường và GV áp dụng; tuy nhiên, việc áp dụng vẫn chưa đồng đều và triệt để ở tất cả các lớp.

Hiện nay, việc dạy học *Tiếng Anh* tại Trường Đại học Giao thông vận tải gặp phải những vấn đề khó

khăn từ khâu quản lý đến giảng dạy, đó là không quản lý được SV học *Tiếng Anh tăng cường*. Vì vậy việc đạt “chuẩn đầu ra” của tiếng Anh chưa đạt được kết quả cao như mong đợi. Vì là học phần tăng cường (không bắt buộc) nên SV không đăng kí học mà chỉ đăng kí thi để đánh giá trình độ, nhưng số lượng đăng kí này rất ít, điều này sẽ làm ảnh hưởng đến “chuẩn đầu ra”. Làm thế nào để SV ở nhà vẫn có thể học mà không phải đến trường, hay có thể học tiếng Anh ở mọi lúc, mọi nơi và nhà trường vẫn đánh giá được NLNN của từng SV. Đây chính là vấn đề cần được quan tâm của Trường đối với dạy học và đánh giá *Tiếng Anh tăng cường* cho SV. Việc ứng dụng CNTT và khả năng cung cấp môi trường học “tương tác - trực tuyến” là vấn đề cốt lõi trong dạy và học ngoại ngữ. So với hình thức dạy học truyền thống chủ yếu dựa trên tương tác trực tiếp giữa GV và SV, học có ứng dụng CNTT tạo được môi trường dạy học dựa trên tương tác trực tuyến; trong đó, SV được học ít nhất một phần nội dung thông qua phương tiện truyền thông kĩ thuật số và trực tuyến có sự kiểm soát về thời lượng, địa điểm và tiến độ học tập.

### **3. Một số phần mềm hỗ trợ dạy học Tiếng Anh hiệu quả hiện nay**

**3.1. Phần mềm dạy học tiếng Anh độc lập, trực tuyến EDO** (English Discoveries Online). Phần mềm học *Tiếng Anh EDO, Langmaster*(langmaster.com) được sản xuất như sản phẩm độc lập và chuyên sử dụng để học tiếng Anh nhưng không bao gồm giáo trình chuẩn, bởi nó được thiết kế độc lập và tương thích với các cấp độ của CEFR. Như vậy, phần mềm này đòi hỏi toàn bộ chương trình dạy học *Tiếng Anh* cần có thiết kế giảng dạy bổ sung để liên kết nội dung giảng dạy theo giáo trình và trên phần mềm, các trường đại học cần trang bị công cụ hỗ trợ để giảng dạy “tương tác - trực tuyến”.

Dạy và học tiếng Anh trực tuyến EDO là phần mềm cung cấp các giải pháp đào tạo tiếng Anh trực tuyến tiên tiến với công nghệ học tích hợp và học từ xa, giúp người học tiết kiệm thời gian, chi phí; bên cạnh việc cung cấp các giải pháp đào tạo tiếng Anh trực tuyến tiên tiến hiện nay, còn cung cấp các công cụ ôn luyện tiếng Anh hữu ích khác, phù hợp với mục tiêu của người học như TOEIC OLPC (luyện thi TOEIC), ESP (*Tiếng Anh chuyên ngành*), toàn bộ các sản phẩm này đều được thiết kế và xây dựng bởi Viện Khảo thí giáo dục Hoa Kỳ.

Đây là công cụ học tiếng Anh giúp SV có thể tìm thấy trên phần mềm nguồn học liệu dồi dào với các bài học, hướng dẫn, thủ thuật học tiếng Anh; đặc biệt

là phần hỏi đáp mang tính tương tác cao sẽ hỗ trợ SV giải đáp các thắc mắc và vấn đề liên quan đến dạy, học, sử dụng tiếng Anh trên thực tế. Toàn bộ nội dung của chương trình sẽ được các GV *Tiếng Anh* và bộ môn ngoại ngữ cập nhật, hướng dẫn, giải đáp thắc mắc khi cần giúp đỡ. Bên cạnh đó, hệ thống bài kiểm tra, đánh giá “đầu vào”, kiểm tra kĩ năng, đánh giá giữa khóa và cuối khóa học được EDO chấm điểm với công nghệ tự động theo chuẩn của ETS (Educational Testing Service) và các kết quả có thể quy đổi sang hệ thống thang điểm của các bài thi TOEIC, TOEFL của ETS và CEFR. Ngoài ra, chương trình học tương tác cao giúp SV luyện tập được các kĩ năng nghe, nói với giọng bản ngữ chuẩn, thích hợp cho SV tự học ở mọi lúc, mọi nơi.

Phần mềm này cũng là công cụ giảng dạy của giáo trình, do đó không phát sinh thiết kế giảng dạy bổ sung để liên kết nội dung theo giáo trình và giảng dạy trên phần mềm. Đối với giáo trình được thiết kế tương thích với cấp độ của CEFR, có tài khoản học tiếng Anh trực tuyến đính kèm cho thấy giải pháp cung cấp môi trường học “tương tác - trực tuyến” có khả thi và hiệu quả để triển khai ở các trường đại học. Việc sử dụng phần mềm học tiếng Anh trực tuyến để cung cấp môi trường học “tương tác - trực tuyến” làm thay đổi căn bản phương pháp dạy học và đánh giá; trong đó, GV đóng vai trò chính là hướng dẫn và giám sát quá trình học tập của SV, còn SV chủ động trong việc học và rèn luyện kĩ năng tiếng Anh của mình.

Để triển khai hiệu quả phương thức giảng dạy mới này, nhà trường cần tập huấn và đào tạo cho GV dạy ngoại ngữ một cách bài bản và cụ thể gắn liền với phần mềm sử dụng để giúp GV đổi mới đồng bộ việc thiết kế và tổ chức giảng dạy; đặc biệt là giám sát từ xa việc tự học và đánh giá tiến trình học tập của SV. Cùng với đó, SV cũng cần được GV hướng dẫn cụ thể để đạt được hiệu quả trong học tập môn *Tiếng Anh* trong môi trường “tương tác - trực tuyến”.

**3.2. Phần mềm học ngoại ngữ trực tuyến Sanako.** Phần lớn SV đều thích sử dụng công nghệ hiện đại, việc sử dụng phần mềm hỗ trợ trong dạy và học tiếng Anh làm tăng hứng thú, tạo động lực cho SV. Khi SV hứng thú trong hoạt động học tập, sẽ tích cực tham gia vào các hoạt động mà GV triển khai trong và ngoài lớp học. Điều này sẽ khuyến khích SV giao tiếp thường xuyên hơn thông qua các hoạt động thực tế. Tuy nhiên, đòi hỏi nhà trường phải đầu tư xây dựng cơ sở học liệu điện tử thống nhất cho toàn bộ chương trình giảng dạy *Tiếng Anh* tích hợp vào phần mềm bảo đảm phát triển 4 kĩ năng và phù hợp với

giáo trình sử dụng. Cụ thể là có phòng thực hành tiếng (Lab) cho sử dụng phần mềm Sanako để xây dựng chương trình *Tiếng Anh tăng cường* mà vẫn có thể sử dụng các giáo trình tiếng Anh quen thuộc. Việc đổi mới chương trình và giảng dạy chủ yếu tập trung vào việc bổ sung thực hành trên phần mềm Sanako (gồm thực hành ở phòng Lab và tự học).

*Phần mềm Sanako* là bộ phần mềm phòng Lab Sanako được tích hợp trong phòng có kết nối mạng nội bộ, được đánh giá là một trong phần mềm hiện đại và tối ưu nhất trên thế giới hiện nay; nhằm giảm nhẹ sự đầu tư của nhà trường và đem đến chất lượng trong việc giảng dạy, học và quản lí SV học ngoại ngữ đạt hiệu quả cao nhất.

*Những tính năng cơ bản trong phần mềm phòng Lab Sanako*: - Chức năng quản lí phòng học, quản lí Monitor cũng như quản lí SV; - Hội thoại bằng tiếng nói cùng với bàn phím giúp tăng hiệu quả giảng dạy; - Khả năng tích hợp giáo trình vào phần mềm để giảng dạy hoặc tự sáng tạo bài giảng bằng cách kết hợp giữa tiếng nói, hình ảnh và kí tự; - Tạo nhanh các bài kiểm tra trắc nghiệm để nhận phản hồi hoặc test khả năng của SV; - Tạo mục âm thanh với giọng bản ngữ trong một đoạn văn bản; - Bài tập kiểm tra từ vựng giúp HV học thuộc vốn từ mỗi ngày; - Phát triển nhiều kĩ năng ngoại ngữ nhờ có các hình thức giảng dạy phong phú (rèn luyện nghe, nói, thảo luận nhóm, nghe và đọc lại theo mẫu...). Ngoài ra, sử dụng phần mềm Sanako cho phòng Lab còn đem lại nhiều hiệu quả, như: - Ứng dụng công nghệ mới nhất cùng với phương pháp hiện đại theo tiêu chuẩn châu Âu vào việc dạy học ngoại ngữ; - Phát triển chức năng quản lí phòng học cho người dạy; - Phát triển khả năng hội thoại, tạo môi trường tự học, tự phát triển trình độ sử dụng ngoại ngữ cho SV; - Nâng cao việc đầu tư và ứng dụng phần mềm trong trường học, hạn chế đầu tư lãng phí các sản phẩm “phần cứng” khác; - Phần mềm ứng dụng phù hợp trong đào tạo ngoại ngữ tại các trường đại học.

#### **4. Thực tế ứng dụng CNTT trong đổi mới phương pháp dạy học và đánh giá môn *Tiếng Anh* tại Trường Đại học Giao thông vận tải**

Hiện nay, tại các phòng học của nhà trường đều đã được trang bị máy chiếu và mạng wifi phủ sóng toàn trường, đây là điều kiện cần thiết để thực hiện hoạt động dạy học. Nhưng đối với môn *Tiếng Anh*, để đạt được trình độ “chuẩn đầu ra” theo yêu cầu của *Đề án Ngoại ngữ quốc gia* thì vẫn còn nhiều bất cập cần cải tiến để thu hút SV và tạo điều kiện cho SV có thể học tiếng Anh ở mọi lúc, mọi nơi.

Với trình độ tiếng Anh “đầu vào” của đa số SV còn hạn chế. Việc dạy và học tiếng Anh của nhà trường vẫn chỉ tập trung cho việc thi đỗ môn học mà ít quan tâm đến việc sử dụng ngôn ngữ như một công cụ giao tiếp. Phần lớn GV dạy *Tiếng Anh* vẫn là trung tâm của quá trình giảng dạy (GV nói nhiều hơn SV) và SV vẫn là đối tượng thụ động tiếp thu kiến thức và làm theo những gì mà GV yêu cầu, ít chủ động trong việc phát triển kĩ năng. Vì vậy, SV chưa có nhiều cơ hội để thực hành tiếng do chưa có môi trường và kĩ năng phản xạ. GV cần đưa ra những hướng dẫn cụ thể về các kĩ năng *đọc, viết, nghe* và thảo luận nội dung của bài học, tạo nhiều cơ hội cho SV thực hành các kĩ năng này. Ngoài ra, hướng dẫn cho SV biết cách diễn đạt nội dung bài học bằng cách sử dụng từ vựng, những cấu trúc câu mình đã học và tạo các hoạt động tương tác nói hoặc viết (thuyết trình nhóm, thảo luận nhóm...), GV nói ít hơn và tăng thời lượng nói cho SV. Để đáp ứng yêu cầu “chuẩn đầu ra” với thời lượng giảng dạy ngắn, sĩ số lớp đông thì giải pháp tận dụng học chế tín chỉ là giao một số phần nội dung kiến thức trong chương trình để SV tự học, giúp GV có thời gian luyện phản xạ tiếng Anh cho SV. Tăng cường học theo chủ đề mở, sát thực với cuộc sống đời thường của SV để tạo cho các em dễ tiếp cận và dễ nói.

Để phát huy vai trò của CNTT trong công tác giảng dạy, công tác quản lí lớp học, GV cần phải tiến hành khảo sát, nghiên cứu phát huy điểm mạnh của công nghệ hiện đại trong giảng dạy ngoại ngữ. Đây là công cụ mới cần được triển khai dần dần rút, kinh nghiệm để hoạt động dạy và tiếng Anh được hiệu quả. Bên cạnh đó, bộ môn *Tiếng Anh* cần đưa ra nguồn tài liệu phù hợp, tiến hành hoạt động dạy học theo các cách thức khác nhau, tăng cường áp dụng làm việc theo nhóm và hướng dẫn cho SV tự tin giao tiếp trước đám đông. Khi giảng dạy, GV phải thường xuyên giám sát, đánh giá, tìm cách tiếp cận phù hợp với từng nhóm SV; nếu thời lượng chưa đủ, cần thiết kể thêm các bài tập cho SV thực hiện ngoài lớp học...

\*\*\*

Việc ứng dụng CNTT trong dạy, học và quản lí SV học *Tiếng Anh* của Trường Đại học Giao thông vận tải hiện nay là phải tạo được môi trường học “tương tác - trực tuyến”, áp dụng được giáo trình chuẩn tương thích với cấp độ của CEFR nhằm giúp SV có được môi trường thực hành tiếng, có kĩ năng phản xạ trong

(Xem tiếp trang 200)

liên quan trong công tác quản lý TĐTT, từ khâu đổi mới chương trình đến đổi mới phương pháp giảng dạy và tăng cường đầu tư CSVC phục vụ dạy và học.

## 5. Kết luận, kiến nghị

### 5.1. Kết luận:

Phần lớn SV Trường ĐHHĐ có nhận thức đúng đắn, có động cơ học tập và thái độ tích cực, có nhu cầu và hứng thú khá cao đối với môn học *GDTC* song vẫn còn một số nhận thức chưa đúng và có thái độ xem nhẹ môn học này. Sự nhận thức và thái độ của SV với môn học ở các khóa có sự khác nhau.

Nhận thức của SV có ảnh hưởng đến kết quả học tập môn học *GDTC* và kết quả học tập các môn học khác. Phần lớn những SV có nhận thức đúng đắn có thái độ học tập tích cực, tự giác về môn học *GDTC* thì kết quả học tập *GDTC* và các môn học văn hóa khác khá cao, và ngược lại.

Quá trình nhận thức của SV về môn học *GDTC* cũng chịu tác động bởi nhiều yếu tố khác nhau: gia đình, nhà trường, môi trường sống, CSVC, bạn bè, các yếu tố thông tin, kinh tế, chính trị. Quy chế đào tạo mới (tin chỉ) và cơ chế thị trường theo định hướng xã hội chủ nghĩa cũng có những ảnh hưởng tốt, xấu đan xen lẫn nhau. Cần loại bỏ và “miễn dịch” cho SV những ảnh hưởng xấu, đồng thời phát huy tính tích cực trong các cơ chế đó.

Cần thiết đổi mới chương trình môn học *GDTC* cho phù hợp nhu cầu đào tạo hiện nay. Nâng cao chất lượng buổi học thông qua phương pháp giảng dạy phong phú, lôi cuốn SV học tập, phát huy tính tích cực, tự tập luyện của SV. Nâng cao số lượng và chất lượng đội ngũ giảng viên về chuyên môn. Tăng cường CSVC, trang thiết bị dụng cụ cho công tác *GDTC*. Tăng cường công tác quản lý TĐTT. Đặc biệt, tích cực tuyên truyền, giáo dục nhận thức của SV thông qua các phương tiện thông tin đại chúng, thông qua quá trình học tập trên lớp từ đó kích thích động cơ, nhu cầu và hứng thú, thái độ, tình cảm của SV, góp phần hình thành và phát triển nhân cách, giáo dục con người toàn diện.

### 5.2. Kiến nghị:

- Điểm môn *GDTC* cộng chung với điểm các môn văn hóa.

- Xây dựng chương trình *GDTC* phù hợp với nghề để phát huy năng lực giao tiếp, tổ chức và quản lý giờ học, năng lực sử dụng các môn thể thao trong hoạt động giáo dục ở trường đại học.

- Cải tiến chế độ học bổng, khen thưởng đối với những SV tham gia tích cực vào phong trào TĐTT và đạt thành tích cao.

- Tuyên truyền, giáo dục và ngày càng đầu tư thêm vào điều kiện giảng dạy, học tập hiện đại để thu hút SV quan tâm hơn nữa tới việc học tập môn *GDTC* qua đó rèn luyện có hiệu quả nhân cách của SV.

- Trong công tác giáo dục SV cần đặc biệt quan tâm tới tác động của các yếu tố KT-XH. □

### Tài liệu tham khảo

- [1] Nguyễn Xuân Sinh (1999). *Giáo trình nghiên cứu khoa học Thể dục thể thao*. NXB Thể dục thể thao.
- [2] Nhiều tác giả (2003). *Thực trạng thể chất người Việt Nam*. NXB Thể dục thể thao.
- [3] Bộ GD-ĐT (2009). *Tuyển tập nghiên cứu khoa học giáo dục thể chất, sức khỏe trong trường học các cấp*. NXB Thể dục thể thao.
- [4] Nguyễn Việt Minh (2007). *Đổi mới phương pháp dạy - học theo hướng tích cực hóa hoạt động người học các môn: Lí luận và phương pháp giáo dục thể chất, Thể dục, Điền kinh, Bơi lội và Đá cầu*. NXB Đại học Sư phạm.
- [5] Vũ Đức Thu (1998). *Lí luận và phương pháp giáo dục thể chất*. NXB Thể dục thể thao.

## Ứng dụng công nghệ thông tin...

(Tiếp theo trang 194)

giao tiếp tiếng Anh để đạt “chuẩn đầu ra” theo yêu cầu của *Đề án Ngoại ngữ quốc gia*. □

### Tài liệu tham khảo

- [1] Thủ tướng Chính phủ (2008). *Quyết định số 1400/QĐ-TTg ngày 30/09/2008 về việc phê duyệt Đề án “Dạy và học ngoại ngữ trong hệ thống giáo dục quốc dân giai đoạn 2008-2020”*.
- [2] Bộ GD-ĐT (2014). *Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam* (ban hành kèm theo Thông tư số 01/2014/TT-BGDĐT ngày 24/01/2014 của Bộ trưởng Bộ GD-ĐT).
- [3] Bộ GD-ĐT (2010). *Chiến lược phát triển giáo dục 2011-2020*. NXB Giáo dục Việt Nam.
- [4] H. Dellar - A. Walkley (2011). *Outcomes Pre-Intermediate Student's book*. Cengage Learning.
- [5] C. Nuttall - D. Evans (2011). *Outcomes Pre-Intermediate Workbook*. Cengage Learning.
- [6] ETS (Educational Testing Service) (2007). *ETS Mapping TOEFL iBT, TOEIC and TOEIC Bridge on the CEFR*.
- [7] Trường Đại học Giao thông vận tải (2014). *Đề án “Đào tạo đạt chuẩn ngoại ngữ bậc đại học hệ chính quy”* (ban hành kèm theo Quyết định số 2157B/QĐ-ĐHGTVT ngày 10/10/2014).